

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/11/2021

*“Về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tăng Thị Dương

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà
Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST- HNGĐ, ngày 12
tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25/10/2021 giữa các
đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Phùng Tiến M, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa.*

- ***Bị đơn:*** Chị Lý Thu T, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: K Ken - M gun - Japan. *Có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên
đơn anh Phùng Tiến M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thu T kết hôn với nhau vào ngày
07/01/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ
sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập
quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014
vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa, sau đó
vợ chồng cải thiện quan hệ vợ chồng. Cuối năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động

tại Nhật Bản. Đến tháng 7/2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng xa nhau quá lâu, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức căng thẳng, trong thời gian xa nhau hai bên không có sự hỏi han, quan tâm chăm sóc gì với nhau nữa, do đó tình cảm xa cách, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lý Thu T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014. Từ khi mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản hai cháu ở cùng với anh M và ông bà nội. Do hiện nay chị T đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con nên nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung. Khi nào chị T về nước anh chị sẽ thỏa thuận lại việc nuôi con chung. Anh yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/ tháng.

- Về tài sản, đất đai chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh xác định quá trình chung sống anh chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án tại Việt Nam chị Lý Thu T trình bày:

Chị và anh Phùng Tiến M kết hôn với nhau vào ngày 07/01/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên không hàn gắn được. Từ ngày 19/01/2019 chị T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản làm việc tại Công ty M, địa chỉ: K Ken - M gun - Japan, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh M không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức căng thẳng trầm trọng, không thể đoàn tụ, nay anh M khởi kiện ly hôn chị nhất trí, đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014. Từ khi chị đi lao động tại Nhật Bản hai cháu ở cùng với anh M và ông bà nội của cháu. Nếu ly hôn anh chị thỏa thuận chị sẽ nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014, anh Phùng Tiến M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 đến khi các cháu trưởng thành. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: Chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng chị không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Phùng Tiến M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Lý Thu T, xác định tài chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, vay nợ chung không có. Anh M chỉ thay đổi một phần nội dung khởi kiện về việc nuôi con chung, cụ thể anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung do hiện nay chị T đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản không thể trực tiếp nuôi con được, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Tiến M. Xử cho anh Phùng Tiến M được ly hôn với chị Lý Thu T. Giao cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014 cho anh Phùng Tiến M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và vay nợ giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Anh Phùng Tiến M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phùng Tiến M và chị Lý Thu T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Phùng Tiến M cư trú tại Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thu T hiện đang cư trú: K Ken - M gun

- Japan. Vì vậy, căn cứ khoản 3, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Chị Lý Thu T có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn tại Tòa án. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Phùng Tiến M, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Phùng Tiến M và chị Lý Thu T kết hôn năm 2010 do hai bên tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2010 tại UBND xã V, huyện S. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhà với bố mẹ anh M tại thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản, đến tháng 7/2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do sống xa nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh M và chị T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Anh M có đơn xin ly hôn, chị T nhất trí ly hôn. Qua xác minh địa phương nơi anh M và chị T sinh sống thể hiện anh M và chị T sau khi kết hôn sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh M tại Thôn K, xã V, huyện S, đến năm 2019 chị T đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản đến nay chưa về. Như vậy cho thấy do vợ chồng xa nhau quá lâu, trong thời gian xa nhau anh M chị T không hỏi han, quan tâm chăm sóc gì với nhau, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn tồn tại. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của anh M là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định:

Quá trình chung sống anh M và chị T có 02 con chung là cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014. Tại đơn khởi kiện ly hôn anh M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010, Chị T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014. Quá trình giải quyết vụ án anh M thay đổi lời khai anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả hai con chung là Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung vì từ khi chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản hai con chung ở cùng với anh M và ông bà nội của cháu. Hiện nay chị T đang ở nước ngoài không có điều kiện để chăm sóc con. Khi nào chị T về nước anh chị sẽ thống nhất về việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương thể hiện từ khi chị T đi xuất khẩu lao động anh M là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục hai con chung của anh M và chị T là cháu Phùng Minh L và cháu Phùng Gia A với sự trợ giúp của bố mẹ anh M. Các con chung của anh M chị T được chăm sóc đầy đủ và đảm bảo việc học hành. Xét thấy đề nghị của anh M là phù hợp do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh

ngày 17/8/2014 cho anh Phùng Tiến M nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Anh M và chị T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Anh M và chị T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Phùng Tiến M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Lý Thu T không phải chịu án phí.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 147, 228, 264, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Tiến M về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn đối với chị Lý Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Tiến M được ly hôn chị Lý Thu T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phùng Minh L, sinh ngày 27/7/2010 và cháu Phùng Gia A, sinh ngày 17/8/2014 cho anh Phùng Tiến M chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Phùng Tiến M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005152 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Phùng Tiến M đã nộp đủ án phí. Chị Lý Thu T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phùng Tiến M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/11/2021), chị Lý Thu T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Hà

